TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-12-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mỹ Lệ
2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 04/2017/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2017 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nay H, sinh năm 1985

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tập đoàn B, buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ksor N, sinh năm 1985
Nơi ĐKHKTT: Tập đoàn B, buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Chỗ ở: Buôn S, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K Đ Gia Lai;
Địa chỉ: Số M, đường N, thị trấn K, huyện H, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1965

Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K Đ Gia Lai. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, Gia Lai;

Địa chỉ: đường T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái D, sinh năm 1983

Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Bà Ksor H'G, sinh năm 1974

Địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Ông Ksor T, sinh năm 1943 và bà Nay H'D, sinh năm 1952

Địa chỉ: Tập đoàn B, buôn A, xã C, huyện K, Gia Lai. Có mặt.

+ Ông R' Ô M, sinh năm 1968

Địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nay H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và anh Ksor N tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ tháng 02/2006 trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 28/02/2007. Thời gian đầu, cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng đến khoản năm 2014 thì tôi và anh N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì anh N hay ghen tuông, đánh đập, xúc phạm tôi. Mâu thuẫn giữa chúng tôi đã được gia đình, họ hàng hai bên khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Đến tháng 6/2016 thì chúng tôi ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án cho chúng tôi được ly hôn.

- *Về con chung:* Chúng tôi có 01 con chung là Nay H1, sinh ngày 22/10/2007, sau khi ly hôn, tôi nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và yêu cầu anh Ksor N cấp dưỡng nuôi con 700.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Nhưng tại phiên tòa hôm nay tôi không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nữa.

- *Về tài sản chung:* Tại đơn khởi kiện tôi yêu cầu giải quyết gồm có 01(một) căn nhà sàn gỗ kiểu thái; 01 (một) xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ - đen BKS 81N1- 058.30; 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire E1-471; 01 (một) cưa lốc nhãn hiệu trung Quốc HUSQVARR; 05 (năm) con bò lớn nhỏ; 01 (một) xe mô tô Wave nhãn hiệu SINOSTAR, màu đỏ đen không biển kiểm soát. Nhưng sau đó tôi có đơn xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết 01 con bò đã bị

chết và 01 (một) xe mô tô Wave nhãn hiệu SINOSTAR, màu đỏ đen không biển kiểm soát. Nay tôi chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết những tài sản chung gồm: 01 căn nhà sàn gỗ kiểu thái; 01 (một) xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ - đen BKS 81N1- 058.30; 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire E1-471; 01 (một) cưa lốc nhãn hiệu trung Quốc HUSQVARR; 04 (bốn) con bò lớn nhỏ. Tổng giá trị tài sản chung tại thời điểm định giá là 331.700.000 đồng *(Ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Tôi đồng ý với kết quả định giá và yêu cầu chia đôi tài sản chung này, tôi nhận căn nhà gỗ còn giao các tài sản khác cho anh N và sẽ hoàn trả bằng tiền chênh lệch trị giá phần tài sản anh Ksor N được hưởng.

- *Về nợ chung gồm:* trong đơn khởi kiện tôi trình bày gồm các khoản nợ là: nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K Đ Gia Lai (sau đây gọi tắt là Ngân hàng NN K Đ) 187.600.000 đồng , gồm cả gốc và lãi tính đến ngày 06/05/2020; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Ngân hàng CS K) 16.000.000 đồng chưa tính lãi; nợ bà Ksor H'G 10.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn Đ 34.000.000 đồng. Tổng cộng nợ là 247.600.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Tôi yêu cầu chia đôi nợ chung này.

Tại phiên tòa, tôi đồng ý số nợ chung tôi và anh N nợ gồm: nợ Ngân hàng NN K Đ là 92.500.000 đồng tiền nợ gốc tính đến ngày 07/04/2017, nợ Ngân hàng CS K 18.658.336 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 16.000.000 đồng và tiền lãi là 2.658.336 đồng tính đến ngày 22/12/2017, nợ bà Ksor H'G 10.000.000 đồng và nợ ông Nguyễn Văn Đ 34.000.000 đồng, tổng cộng các khoản nợ là 155.158.336 đồng. Tôi xin nhận trả khoản nợ của Ngân hàng NN K Đ, còn anh N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CS K, bà Ksor H'G và ông Nguyễn Văn Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ksor N cho rằng 04 (bốn) con bò lớn nhỏ là có từ 01 con bò của cha mẹ anh N cho nay trả lại cho cha mẹ anh N thì tôi không đồng ý, vì nguồn gốc 04 con bò này đúng là của cha mẹ anh N nhưng là chúng tôi bỏ tiền 1.000.000 đồng để mua chứ không phải là cha mẹ anh N cho, nên đây là tài sản chung của hai chúng tôi.

Đối với quan điểm của ông R' Ô M cho rằng trong quá trình tôi và anh Ksor N chung sống, ông M có cho tôi và anh Ksor N mượn 02 con bò đực trị giá tại thời điểm cho mượn tổng cộng là 5.200.000 đồng và cho mượn 200 tấm ván trị giá 26.000.000 đồng để làm nhà thì tôi không đồng ý về quan điểm này của ông M vì tôi không có mượn bò và ván.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: tôi tự nguyện chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, còn tiền chi phí định giá là 2.000.000 đồng thì tôi yêu cầu anh N phải chịu 50%, trả lại cho tôi 1.000.000 đồng.

2. Trong biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Ksor N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi đồng ý với trình bày của chị H về thời gian kết hôn và chung sống vợ chồng là đúng. Cuộc sống gia đình chúng tôi phát sinh mâu

thuẫn. Đến tháng 6/2016 thì chúng tôi không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

- *Về con chung:* nguyện vọng con được ở với mẹ nên tôi đồng ý để chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Nay H1, sinh ngày 22/10/2007. Tôi đồng ý với quan điểm xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H.

- *Về tài sản chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án tôi đồng ý tài sản chung gồm: 01 căn nhà sàn gỗ kiểu thái; 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ - đen BKS 81N1- 058.30; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire E1-471; 01 cưa lốc nhãn hiệu Trung Quốc HUSQVARR. Riêng 04 con bò lớn nhỏ có nguồn gốc từ 01 con bò của cha mẹ tôi cho làm vốn nên tôi không đồng ý đó là tài sản chung của tôi và chị Nay H.

Tại phiên tòa hôm nay tôi đồng ý 04 con bò lớn nhỏ là tài sản chung của tôi với chị H. Tôi đồng ý chia đôi những tài sản chung này.

- *Về nợ chung:* trong quá trình giải quyết vụ án thì tôi chỉ đồng ý nợ chung gồm có: nợ tiền bà Ksor H'G 10.000.000 đồng,nợ ông Nguyễn Văn Đ 34.000.000 đồng, nợ Ngân hàng NN K Đ tính đến ngày 07/4/2017 là 92.500.000 đồng; Còn đối với số tiền nợ Ngân hàng CS K 16.000.000đ riêng gốc chưa tính lãi thì tôi không đồng ý đây là nợ chung vì khoản nợ này do chị H tự đứng ra vay.

Tại phiên tòa tôi đồng ý khoản nợ Ngân hàng CS K 18.658.336 đồng (gồm16.000.000 đồng tiền gốc và 2.658.336 đồng tiền lãi) tính đến ngày 22/12/2017 là nợ chung của chúng tôi.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: tôi đồng ý với việc chị H tự chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản chung của chúng tôi. Về chi phí định giá tài sản chung tôi đồng ý chịu 50% là 1.000.000 đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K Đ Gia Lai, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh S- Phó giám đốc trình bày:

Vào ngày 06/5/2015, chị Nay H và người thừa kế là anh Ksor N có vay vốn của Ngân hàng NN K Đ số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 150503.07/HĐTD với lãi suất 8%/năm; mục đích vay vốn: xây nhà ở; Thời hạn vay: 60 tháng. Chương trình vay vốn áp dụng đối với cá nhân là đối tượng hưởng lương, hưởng trợ cấp xã hội vay vốn không phải bảo đảm bằng tài sản. Tính đến ngày 07/4/2017 chị H và anh N còn nợ Ngân hàng NN K Đ số tiền nợ gốc là 92.500.000 đồng, chị H và anh N đã thanh toán hết số tiền lãi xuất phát sinh đến hết tháng 4/2017. Nay chị H ly hôn với anh N trước pháp luật thì Ngân hàng NN K Đ không yêu cầu chị H và anh N phải trả nợ ngay (vì hiện tại do chưa đến thời hạn trả nợ) mà chỉ đề nghị Tòa án ghi nhận việc chị H, anh N đang còn nợ ngân hàng, phân chia nghĩa vụ trả nợ cho chị H, anh N khi ly hôn.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thái D- Phó giám đốc trình bày:

Vào ngày 26/11/2014, chị H, anh N có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai, hai bên có lập hợp đồng dưới dạng sổ vay vốn theo quy định của pháp luật, mã khách hàng số 4200066703, lãi suất 0,800%/tháng, thời hạn vay là 36 tháng; Kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng cho Ngân hàng CS K là ngày 12/11/2017 (chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn) do Hội phụ nữ quản lý với tổng số tiền còn nợ (tính lãi suất đến ngày 22/12/2017) là 18.658.336 đồng, trong đó nợ gốc là 16.000.000 đồng, tiền lãi là 2.658.336 đồng. Hiện tại đã đến thời hạn trả nợ nhưng Ngân hàng CS K chưa yêu cầu anh N và chị H phải trả nợ ngay mà chỉ đề nghị Tòa án xác nhận việc anh N và chị H đang còn nợ Ngân hàng CS K số tiền 18.658.336 đồng, trong đó nợ gốc là 16.000.000 đồng, tiền lãi là 2.658.336 đồng tính đến ngày 22/12/2017 và lãi suất phát sinh sau này, phân chia nghĩa vụ trả nợ cho anh N, chị H khi ly hôn.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Ksor T, bà Nay H'D trình bày:

Chúng tôi là cha mẹ đẻ của chị Nay H. Vào năm 2006 thì chị H lấy chồng theo phong tục người Jrai nên vợ chồng chị H và anh N chung sống cùng nhà với vợ chồng chúng tôi, khi đó chúng tôi cùng ở trong một căn nhà sàn nhỏ đã cũ. Sau đó chúng tôi cùng lao động và xây dựng được 01 căn nhà sàn gỗ kiểu thái, được xây dựng trên thửa đất số 130 tờ bản đồ số 42 của chúng tôi (hộ bà Nay H'D) được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U629058 ngày 05/12/2001 tại tập đoàn B, buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình xây dựng căn nhà gỗ này thì vợ chồng chúng tôi cũng đóng góp công sức, tài sản. Nay chị H và anh N ly hôn thì chúng tôi yêu cầu Tòa án chia tài sản là căn nhà sàn gỗ trên thành 04 phần bằng nhau cho vợ chồng tôi mỗi người một phần, anh N và chị H mỗi người một phần.

Nhưng tại phiên tòa hôm nay chúng tôi không có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà sàn sàn gỗ của chị H và anh N cho chúng tôi nữa.

Đối với các tài sản chung và nợ chung khác của chị Nay H và anh Ksor N thì chúng tôi không có ý kiến gì.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông R'Ô M trình bày:

Trong quá trình vợ chồng chị Nay H và anh Ksor N chung sống, tôi có cho chị H và anh N mượn 02 con bò đực trị giá tại thời điểm cho mượn tổng cộng là 5.200.000 đồng và 200 tấm ván trị giá 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) khi chị H và anh N làm căn nhà sàn gỗ. Nay chị H và anh N ly hôn thì tôi yêu cầu chị H và anh N phải trả lại cho tôi 02 con bò đực và 200 tấm ván tôi đã cho mượn.

Đối với các tài sản chung và nợ chung khác của chị Nay H và anh Ksor N thì chúng tôi không có ý kiến gì.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ksor H'G trình bày:

Tôi là dì ruột của anh Ksor N. Trong thời gian chung sống vợ chồng thì chị H, anh N là người trực tiếp vay tiền của tôi số tiền là 10.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận lãi suất, với mục đích vay tiền để làm nhà, thời gian tôi không nhớ rõ. Vì là họ hàng nên chúng tôi chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không lập hợp đồng hay

giấy tờ vay tiền gì cả. Nay chị H ly hôn với anh N trước pháp luật thì Tôi chỉ yêu cầu Tòa án xác nhận việc chị H và anh N nợ tôi số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, phân chia nghĩa vụ trả nợ cho họ, khi nào có yêu cầu tôi sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì.

8. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Tôi và chị Nay H, anh Ksor N không có quan hệ họ hàng gì chỉ quen biết qua mua bán. Chị H, anh N là người trực tiếp có đến nhà tôi vay tôi số tiền là 34.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất, thời gian tôi không nhớ rõ. Khi vay tiền chúng tôi không có lập hợp đồng mà tôi chỉ ghi vào sổ từng khoản tiền mà chị H và anh N vay, sau đó chị H và anh N ký nhận tiền. Nay chị H ly hôn với anh N trước pháp luật thì tôi không yêu cầu chị H và anh N phải trả nợ ngay mà chỉ đề nghị Tòa án ghi nhận việc chị H và anh Ksor N có nợ tôi số tiền 34.000.000 đồng. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đâu gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Căn cứ các Điều 28, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 102, 207, 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đề nghị HĐXX sơ thẩm, xử:

- Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là cháu Nay H1, sinh ngày 22/10/2007 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Giao cho chị H được sở hữu 01(một) căn nhà sàn gỗ kiểu thái, mái lợp tôn, xung quanh bằng gỗ, sàn ván có trị giá là 300.000.000 đồng.

Giao cho anh N 01 (một) xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ - đen BKS 81N1- 058.30; 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire E1-471; 01 (một) cưa lốc nhãn hiệu trung Quốc HUSQVARR; 04 (bốn) con bò lớn nhỏ. Tổng trị giá là 31.700.000 đồng.

- Về nghĩa vụ thanh toán: Chị H nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng nên chị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh N phần chênh lệnh.

- Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị H trả nợ cho Ngân hàng NN K Đ và anh N phải trả nợ cho Ngân hàng CS K, khi các chủ nợ có yêu cầu.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ chị H tự nguyện chịu.

- Chi phí định giá: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị H và anh N phải chịu mỗi người một nữa, anh N có nghĩa vụ trả lại cho chị H 1.000.000 đồng.

- Về án phí ly hôn: Chị H tự nguyện chịu cả phần anh N là 150.000 đồng, chị H được hoàn lại 150.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H và anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản của mỗi người đã được nhận trừ đi phần nợ theo quy định của pháp luật.

- Không xem xét, chấp nhận quan điểm của ông R'Ô M vì không có đơn khởi kiện và nộp tạm ứng án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nay H và anh Ksor N chung sống vợ chồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 28/02/2007 và đã có 01 con chung. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp nhau về mọi mặt, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị H và anh N không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2016 cho đến nay. Mâu thuẫn gia đình đã được hai bên giải quyết, Tòa án đã hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng chị H và anh N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H và anh N vẫn giữ nguyên quan điểm thống nhất thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về nuôi con: chị Nay H và anh Ksor N có 01 con chung là Nay H1, sinh ngày 22/10/2007. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thống nhất giao con chung cho chị Nay H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Cháu Nay H1 cũng có ý kiến được ở với mẹ. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận của các đương sự thể hiện ý chí tự nguyện của họ, đảm bảo nguyện vọng của cháu H1, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện thì chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa chị H xin rút yêu cầu này. HĐXX đã giải thích cho các đương sự về quyền của người trực tiếp nuôi con và người

không trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị H và anh N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. HĐXX xét thấy xin rút yêu cầu này thể hiện ý chí tự nguyện của chị H nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con của chị H theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là 01(một) con bò đã bị chết và 01 (một) xe mô tô Wave nhãn hiệu SINOSTAR, màu đỏ đen không biển kiểm soát như đơn khởi kiện nữa. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu này thể hiện ý chí tự nguyện của chị H nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn chị H và bị đơn anh N đã thống nhất tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết là: 01(một) căn nhà sàn gỗ kiểu thái, 01 (một) xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ - đen BKS 81N1- 058.30, 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire E1-471, 01 (một) cưa lốc nhãn hiệu trung Quốc HUSQVARR và 04 (bốn) con bò lớn nhỏ. Các đương sự không phản đối tình tiết này nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX công nhận tình tiết này là sự thật không phải chứng minh và có đủ căn cứ để xác định tài sản chung của vợ chồng chị H và anh N tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, qua đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ thực tế, xác định đặc điểm chi tiết và giá trị cụ thể là:

- 01 (một) căn nhà sàn khung gỗ, cột gỗ, vì kèo gỗ, giằng cột gỗ, giằng kèo gỗ, sàn ván, tường ván, mái lợp tôn giả ngói có diện tích xây dựng dưới cột là 7,6m x 15,2m =115,5m^2, diện tích sàn 9,8m x 16,7m = 163,7m^2 , tọa lạc trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 42, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 629058, được Ủy ban nhân dân huyện Krông Pa cấp cho hộ bà Nay H'Đ ngày 05/12/2001 tại tập đoàn B, buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Căn nhà gỗ này có trị giá 300.000.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ đen Biểm kiểm soát 81N1-058.30 đã qua sử dụng, có trị giá 7.500.000 đồng.

- 01 (một) máy tính xách tay hiệu Acer Aspire E1- 471, đã qua sử dụng, có trị giá 3.000.000 đồng.

- 01 cưa lốc nhãn hiệu Trung Quốc HUSQVARR đã qua sử dụng, có giá 500.000 đồng.

- 01(một) con bò cái nhỏ màu nâu giống địa phương có trị giá 6.000.000 đồng.

- 01 (một) con bò cái lớn màu đen giống địa phương có trị giá 5.500.000 đồng.

- 01(một) con bò cái nhỏ màu vàng giống địa phương có trị giá 2.000.000 đồng.

- 01 (một) con bò cái lớn màu nâu giống địa phương có trị giá 7.200.000 đồng.

Tổng cộng tài sản chung của vợ chồng chị H và anh N có trị giá là 331.700.000 đồng *(Ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

Tại phiên tòa, chị Nay H và anh Ksor N thống nhất chia đôi tài sản chung này mỗi người nhận ½ trị giá tài sản chung là 331.700.000 đồng : 2 = 165.850.000 đồng. Giao cho chị H quyền sở hữu 01 căn nhà sàn gỗ tọa lạc trên thửa đất số 130, tờ bản

đồ số 42, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 629058, được Ủy ban nhân dân huyện Krông Pa cấp cho hộ bà Nay H'Đ ngày 05/12/2001 tại tập đoàn B, buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai, có tổng giá trị là 300.000.000 đồng và giao cho anh N quyền sở hữu 01 xe mô tô, 01 máy tính xách tay, 01 máy cưa lốc và 04 con bò (hiện anh N đang quản lý, sử dụng những tài sản này). Do chị H nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng nên chị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh N phần chênh lệnh là 134.150.000 đồng. Sự thỏa thuận của chị H và anh N thể hiện ý chí tự nguyện của họ, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông T, bà H'D có yêu cầu chia 01(một) căn nhà sàn gỗ tọa lạc trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 42 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U629058, đứng tên hộ bà Nay H'D vị trí tại tập đoàn B, buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.Nhưng tại phiên tòa thì vợ chồng ông T, bà H'D không yêu cầu nữa, đồng thời ông T, bà H'D không làm thủ tục khởi kiện theo quy định. Do đó HĐXX không xem xét đến nữa.

[6] *Về thực hiện nghĩa vụ chung (nợ chung) về tài sản:*

Tại phiên tòa chị H và anh N đều thống nhất nợ chung của vợ chồng là: Nợ bà Ksor H'G 10.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn Đ 34.000.000 đồng , nợ Ngân hàng NN K Đ tính đến ngày 07/4/2017 là 92.500.000 đồng, nợ Ngân hàng CS K 18.658.336 đồng (16.000.000đ tiền gốc và 2.658.336 đồng tiền lãi tính đến ngày 22/12/2017). Tổng cộng các khoản nợ chung của chị H và anh N là 155.158.336 đồng *(một trăm năm mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng)*. Các đương sự không phản đối tình tiết này nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX công nhận tình tiết này là sự thật không phải chứng minh.

Đối với các chủ nợ là: Ngân hàng NN K Đ, Ngân hàng CS K, bà Ksor H'G và ông Nguyễn Văn Đ đều không có yêu cầu vợ chồng chị H và anh N trả nợ ngay mà đề nghị Tòa án xác nhận chị H và anh N có nợ , phân chia nghĩa vụ trả nợ cho các bên và sẽ khởi kiện sau khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa chị H và anh N thống nhất các khoản nợ tổng cộng là 155.158.336 đồng, mỗi người phải trả 155.158.336 đồng : 2 = 77.579.168 đồng. Trong đó, chị H nhận trả nợ cho Ngân hàng NN K Đ tính đến ngày 07/4/2017 số tiền 92.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh (nếu có), còn anh N trả nợ cho bà Ksor H'G 10.000.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn Đ 34.000.000 đồng và trả cho Ngân hàng CS K 18.658.336 đồng (16.000.000đ tiền gốc và 2.658.336 đồng tiền lãi tính đến ngày 22/12/2017) và lãi phát sinh (nếu có), tổng cộng là 62.658.336 đồng, khi các chủ nợ này có yêu cầu. Sự thỏa thuận của chị H và anh N về việc phân chia nghĩa vụ trả nợ thể hiện ý chí tự nguyện của họ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông R' Ô M có quan điểm là có cho vợ chồng chị H, anh N mượn 02 con bò đực trị giá tại thời điểm cho mượn tổng cộng là 5.200.000 đồng và mượn 200 tấm ván trị giá 26.000.000 đồng để làm nhà. Nay chị H

và anh N ly hôn thì ông yêu cầu trả lại cho ông 02 con bò đực và 200 tấm ván. Tuy nhiên, nguyên đơn chị H không thừa nhận có mượn 02 con bò và 200 tấm ván của ông M. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì ông M không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh về việc ông cho vợ chồng chị H, anh N mượn 02 con bò đực và 200 tấm ván để làm căn nhà sàn gỗ. Tòa án cũng đã giải thích cho ông M về thủ tục pháp lý để khởi kiện trong cùng vụ án nhưng ông M không thực hiện. Do đó HĐXX không chấp nhận quan điểm, yêu cầu của ông M và không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ thanh toán: Tổng cộng tài sản chung của chị H và anh N có trị giá là 331.700.000 đồng. Chị H và anh N thống nhất thỏa thuận mỗi người được nhận ½ trị giá tài sản là: 331.700.000 đồng : 2 = 165.850.000 đồng. chị H nhận phần tài sản bằng hiện vật là căn nhà sàn gỗ có giá trị 300.000.000 đồng, lớn hơn phần mình được hưởng là 300.000.000 đồng – 165.850.000 đồng = 134.150.000 đồng, nên chị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh N phần chênh lệnh là 134.150.000 đồng. Nhưng chị H trả nợ nhiều hơn anh N 92.500.000 đồng (số nợ chị H phải trả) – 62.658.336 đồng (số nợ anh N phải trả) = 29.841.664 đồng. Nên chị H còn phải thanh toán cho anh N là 134.150.000 đồng – 29.841.664 đồng (số nợ chị H trả nhiều hơn) = 104.308.336 đồng (một trăm linh bốn triệu ba trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng) chênh lệch do nhận tài sản bằng hiện vật có trị giá lớn hơn phần mình được hưởng. HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với các tài sản chung của vợ chồng để có cơ sở phân chia. Chị H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng và nộp tạm ứng chi phí định giá là 2.000.000 đồng, số tiền trên hiện đã chi đủ cho công việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá căn cứ vào các quy định của pháp luật (có chứng từ thu và chi thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án). Tại phiên tòa chị H có quan điểm tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đồng, còn chi phí định giá 2.000.000 đồng thì anh N đồng ý thanh toán lại cho chị H ½ số tiền chi phí định giá này là 1.000.000 đồng. Sự thỏa thuận này phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX công nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 1, 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 8 Điều 26, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn là 300.000 đồng. Các đương sự thoả thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn thì chỉ phải chịu 50% mức án phí là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng, trong đó chị Nay H phải chịu 75.000 đồng và anh Ksor N phải chịu 75.000 đồng. Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng cả phần của anh N nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005813 ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị H 300.000 đồng - 150.000 đồng = 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* chênh lệch.

Án phí chia tài sản chung: theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thì tài sản chung của chị H và anh N có tổng giá trị là 331.700.000 đồng, chị H và anh N mỗi người được chia 331.700.000 đồng : 2 = 165.850.000 đồng, nên mỗi người phải chịu án phí với phần tài sản chung được chia là 165.850.000 đồng (trị giá tài sản được chia) - 77.579.168 đồng (số nợ phải trả) x 5% = 4.413.541 đồng *(Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng).* Chị H và anh N mỗi người phải nộp 4.413.541 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng chị H đã tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm trước đây là 534.375 đồng theo biên lai thu số 0005813 ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Nay chị H còn phải nộp án phí là 4.413.541 đồng – 534.375 đồng = 3.879.166 đồng *(Ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 29, 33, 37, 51, 53, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng các Điều 158, 207, 213, 219, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nay H và anh Ksor N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nay H và anh Ksor N về việc giao con chưa thành niên Nay H1, sinh ngày 22/10/2007 cho chị Nay H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Ksor N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh N được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người người không trực tiếp nuôi con.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nay H và anh Ksor N về việc phân chia tài sản chung.

3.1. Giao cho chị Nay H được quyền sở hữu 01 (một) căn nhà sàn khung gỗ, cột gỗ, vì kèo gỗ, giằng cột gỗ, giằng kèo gỗ, sàn ván, tường ván, mái lợp tôn giả ngói có diện tích xây dựng dưới cột là 7,6m x 15,2m =115,5m^2, diện tích sàn 9,8m x 16,7m = 163,7m^2, tọa lạc trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 42, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 629058, được Ủy ban nhân dân huyện Krông Pa cấp cho hộ bà Nay H'Đ ngày 05/12/2001, tại tập đoàn B, buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Căn nhà sàn gỗ này có trị giá 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*.

3.2. Giao cho anh Ksor N được quyền sở hữu: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ đen Biển kiểm soát 81N1- 058.30 đã qua sử dụng, có trị giá 7.500.000 đồng; 01 (một) máy tính xách tay hiệu Acer Aspire E1- 471, đã qua sử dụng, có trị giá 3.000.000 đồng; 01(một) cưa lốc nhãn hiệu Trung Quốc HUSQVARR đã qua sử dụng, có giá 500.000 đồng; 01(một) con bò cái nhỏ màu nâu giống địa phương có trị giá 6.000.000 đồng; 01 (một) con bò cái lớn màu đen giống địa phương có trị giá 5.500.000 đồng; 01 (một) con bò cái nhỏ màu vàng giống địa có trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) con bò cái lớn màu nâu giống địa phương có trị giá 7.200.000 đồng. Tổng cộng các tài sản này có trị giá: 31.700.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

4. Về nghĩa vụ thanh toán:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nay H và anh Ksor N về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Chị Nay H nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng nên chị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Ksor N phần chênh lệnh là 104.308.336 đồng *(Một trăm linh bốn triệu ba trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng)* do nhận tài sản và nghĩa vụ trả nợ.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng thì chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*, chị H đã nộp đủ.

6. Về chi phí định giá tài sản:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nay H và anh Ksor N về việc cùng chịu chi phí định giá tài sản,

Buộc anh N phải thanh toán lại cho chị H 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* mà chị H đã nộp.

7. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn chị Nay H đối với phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là: 01(một) con bò đã bị chết, 01 (một) xe mô tô Wave nhãn hiệu SINOSTAR, màu đỏ đen không biển kiểm soát và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

8. Về thực hiện nghĩa vụ chung (nợ chung) về tài sản:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nay H và anh Ksor N về việc thực hiện nghĩa vụ chung (nợ chung) về tài sản,

Chị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K Đ Gia Lai tính đến ngày 07/4/2017 số tiền 92.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh (nếu có) khi có yêu cầu.

Anh N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ksor H'G 10.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn Đ 34.000.000 đồng và trả Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai 18.658.336 đồng (16.000.000đ tiền gốc và 2.658.336 đồng tiền lãi tính đến ngày 22/12/2017) và tiền lãi phát sinh (nếu có), tổng cộng là 62.658.336 đồng, khi có yêu cầu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian của số tiền còn phải thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

9.Về án phí: Căn cứ khoản 1, 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 8 Điều 26, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn là 300.000 đồng. Các đương sự thoả thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn thì chỉ phải chịu 50% mức án phí là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng, trong đó chị Nay H phải chịu 75.000 đồng và anh Ksor N phải chịu 75.000 đồng. Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng cả phần của anh N nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005813 ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị H 300.000 đồng - 150.000 đồng = 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* chênh lệch.

Án phí chia tài sản chung: Chị Nay H và anh Ksor N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với phần tài sản chung được chia là 165.850.000 đồng (trị giá tài sản được chia) - 77.579.168 đồng (số nợ phải trả) x 5% = 4.413.541 đồng *(bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng)*. Nhưng chị H đã tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm trước đây là 534.375 đồng theo biên lai thu số 0005813 ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Nay chị H còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.413.541 đồng – 534.375 đồng = 3.879.166 đồng *(Ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng),* anh N phải nộp là 4.413.541 đồng *(bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng)*.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ksor H'G, ông R'Ô M, ông Ksor T, bà Nay H'D, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai có quyền kháng

cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/12/2017), còn ông Nguyễn Văn Đ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K Đ Gia Lai vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND t. Gia Lai;
-VKSND h. Krông Pa;
-Chi cục THADS h. Krông Pa;
-UBND xã Chư Gu;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toản